

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 31 tháng 3 năm 2017



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 51

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có hai trăm bảy mươi ba (273) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
Ông Trần Quốc Trí	Thành viên
Ông Lý Văn Xuân	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Vũ Nam	Trưởng ban
Ông Lê Đình Hạnh	Thành viên
Bà Đồng Thị Thanh Hằng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Phẩm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Quyền Phó Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Phan Duy Quang	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Phước Vũ.

Ông Trần Ngọc Chu được Ông Lê Phước Vũ ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 51/UQ/CT-HĐQT/2016 ngày 23 tháng 3 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo, Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 5 năm 2017

Số tham chiếu: 61183992/19355153-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen, được lập ngày 25 tháng 5 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 31 tháng 3 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 5 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.391.735.467.831	6.766.755.498.915
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	171.880.295.222	447.518.356.022
111	1. Tiền		171.736.773.347	447.374.834.147
112	2. Các khoản tương đương tiền		143.521.875	143.521.875
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.412.091.757.707	2.734.790.808.631
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	4.047.675.301.510	1.986.659.007.410
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	90.728.335.432	74.284.302.601
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		61.687.540.665	400.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	216.804.182.665	678.251.101.185
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 6	(4.803.602.565)	(4.803.602.565)
140	III. Hàng tồn kho	7	4.727.427.960.589	3.169.484.056.346
141	1. Hàng tồn kho		4.745.557.044.434	3.182.457.071.559
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(18.129.083.845)	(12.973.015.213)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.080.335.454.313	414.962.277.916
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	110.684.165.840	63.632.969.870
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16	969.649.311.534	351.329.308.046
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.976.939	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.580.044.764.937	4.113.482.116.707
210	I. Phải thu dài hạn		27.012.549.901	27.012.549.901
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	25.000.000.000	25.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	2.012.549.901	2.012.549.901
220	II. Tài sản cố định		2.782.803.764.293	2.793.334.988.207
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.441.562.877.820	2.440.269.368.323
222	Nguyên giá		4.307.042.827.539	4.145.255.413.314
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.865.479.949.719)	(1.704.986.044.991)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	78.387.621.602	85.446.238.657
225	Nguyên giá		135.252.035.604	135.252.035.604
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(56.864.414.002)	(49.805.796.947)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	262.853.264.871	267.619.381.227
228	Nguyên giá		284.777.213.976	288.233.543.976
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.923.949.105)	(20.614.162.749)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		114.519.310.638	45.622.693.380
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	114.519.310.638	45.622.693.380
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	1.457.736.736.926	1.051.478.371.384
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	1.386.576.000.000	1.025.576.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	56.002.178.134	52.852.178.134
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.2	(31.441.441.208)	(26.949.806.750)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		46.600.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		197.972.403.179	196.033.513.835
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	169.062.862.863	131.621.472.215
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	28.909.540.316	64.412.041.620
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.971.780.232.768	10.880.237.615.622

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.441.700.929.708	6.603.350.910.164
310	I. Nợ ngắn hạn		10.166.903.398.171	6.215.159.598.085
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	662.252.264.003	1.501.886.154.837
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	161.762.185.453	130.240.194.421
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	165.647.307.417	164.411.640.149
314	4. Phải trả người lao động		65.524.298.028	62.752.064.223
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	45.857.922.435	187.888.512.542
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	63.648.265.692	34.427.569.550
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	8.914.153.574.219	4.102.697.779.164
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		88.057.580.924	30.855.683.199
330	II. Nợ dài hạn		274.797.531.537	388.191.312.079
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	272.096.334.037	385.490.114.579
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		2.701.197.500	2.701.197.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.530.079.303.060	4.276.886.705.458
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	4.530.079.303.060	4.276.886.705.458
411	1. Vốn cổ phần		1.965.398.290.000	1.965.398.290.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.965.398.290.000	1.965.398.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		551.571.933.521	551.571.933.521
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		47.901.636.552	6.784.575.670
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.965.207.442.987	1.753.131.906.267
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.377.435.634.604	177.198.643.612
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		587.771.808.383	1.575.933.262.655
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		14.971.780.232.768	10.880.237.615.622

Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	22.029.294.923.416	12.939.626.459.759
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(81.507.342.295)	(49.647.582.051)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	21.947.787.581.121	12.889.978.877.708
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(20.284.139.904.211)	(11.506.883.200.423)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.663.647.676.910	1.383.095.677.285
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	30.863.725.117	25.781.897.367
22	7. Chi phí tài chính	23	(215.872.117.027)	(115.196.501.573)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(136.838.829.918)	(91.997.362.776)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(522.938.269.203)	(402.206.394.150)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(264.492.162.551)	(335.377.839.810)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		691.208.853.246	556.096.839.119
31	11. Thu nhập khác	25	59.065.916.454	8.042.570.526
32	12. Chi phí khác	25	(638.879.439)	(9.908.517.153)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	25	58.427.037.015	(1.865.946.627)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		749.635.890.261	554.230.892.492
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(126.361.580.574)	(129.206.928.549)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	(35.502.501.304)	1.023.548.962
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		587.771.808.383	426.047.512.905

Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		749.635.890.261	554.230.892.492
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	198.779.522.832	194.632.425.463
03	Các khoản dự phòng		9.647.703.090	4.491.634.459
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	23	8.463.524.412	3.418.637.062
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(18.161.658.223)	(5.506.541.239)
06	Chi phí lãi vay	23	136.838.829.918	91.997.362.776
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.085.203.812.290	843.264.411.013
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(2.343.801.914.453)	1.596.431.282.467
10	Tăng hàng tồn kho		(1.563.099.972.875)	(221.757.172.435)
11	Giảm (tăng) các khoản phải trả		(961.087.579.063)	369.211.753.666
12	Tăng chi phí trả trước		(83.064.730.445)	(8.266.178.543)
14	Tiền lãi vay đã trả		(130.000.437.842)	(93.376.144.142)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(141.421.965.232)	(89.046.802.557)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(29.537.484.056)	(13.539.077.582)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(4.166.810.271.676)	2.382.922.071.887
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(277.827.432.427)	(92.128.335.905)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		36.301.468.280	576.586.376
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(364.150.000.000)	(121.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.367.000.000
27	Tiền lãi đã nhận	21.2	1.114.850.021	5.336.680.499
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(604.561.114.126)	(202.848.069.030)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	116.395.667.397
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(508.729)
33	Tiền thu từ đi vay		12.510.545.296.194	4.665.576.580.960
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(7.807.986.130.274)	(6.247.793.892.374)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(10.518.171.966)	(10.518.171.966)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	20.2	(195.895.385.600)	(121.824.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		4.496.145.608.354	(1.476.462.148.712)
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ		(275.225.777.448)	703.611.854.145
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		447.518.356.022	233.828.787.007
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(412.283.352)	(2.467.447.737)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	171.880.295.222	934.973.193.415



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 5 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có hai trăm bảy mươi ba (273) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 là 5.124 (ngày 30 tháng 9 năm 2016: 4.536).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 16 công ty con, như sau:

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen ("HSS")

HSS là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 11 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSS tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HSS trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSS (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen ("HSBM")

HSBM là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3500786179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSBM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBM trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBM (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định (“HSBD”)

HSBD là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101425750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 14 tháng 5 năm 2014. Trụ sở đăng ký của HSBD tọa lạc tại Lô A1.1 và TT 6.2 & 7 Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBD trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBD (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen (“HTME”)

HTME là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700785528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HTME tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HTME trong kỳ hiện tại là cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HTME (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An (“HSNA”)

HSNA là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901788319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 12 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSNA tọa lạc tại Lô CN 1-8 Khu Công nghiệp Đông Hội, Xã Quỳnh Lập, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNA trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại, và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNA (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam (“HSHN”)

HSHN là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0700759219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 15 tháng 9 năm 2015. Trụ sở đăng ký của HSHN tọa lạc tại Cụm Công Nghiệp Kiện Khê I, Thị trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam. Hoạt động chính của HSHN trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSHN (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định (“HSNH”)

HSNH là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101453370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 26 tháng 11 năm 2015. Trụ sở đăng ký của HSNH tọa lạc tại Thôn Hội Sơn, Xã Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNH trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNH (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

▶ Công ty Cổ phần Hoa Sen Vân Hội (“HSVH”)

HSVH là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200861301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 5 tháng 5 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSVH tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSVH trong kỳ hiện tại là kinh doanh bất động sản, và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu và 70% quyền biểu quyết trong HSVH (30 tháng 9 năm 2016: 70%).

▶ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái (“HSYB”)

HSYB là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200861319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 5 tháng 5 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSYB tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSYB trong kỳ hiện tại là kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu Trung tâm Thương mại.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu và 70% quyền biểu quyết trong HSYB (30 tháng 9 năm 2016: 70%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận (“HSRE”)

HSRE là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607960 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSRE tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSRE trong kỳ hiện tại là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSRE (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Xi Măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận (“HSCC”)

HSCC là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607946 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSCC tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSCC trong kỳ hiện tại là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSCC (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận (“HSIP”)

HSIP là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSIP tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSIP trong kỳ hiện tại là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSIP (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận (“HSSP”)

HSSP là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSSP tọa lạc tại thôn Thương Diêm 2, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSSP trong kỳ hiện tại là đầu tư cảng sông, cảng biển.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSSP (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận (“HSIC”)

HSIC là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSIC tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSIC trong kỳ hiện tại là sản xuất sắt, thép và gang.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSIC (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ (“HSPM”)

HSPM là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502313442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSPM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSPM trong kỳ hiện tại là sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSPM (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái (“HSYB-LTD”)

HSYB-LTD là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200870602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 6 tháng 1 năm 2017. Trụ sở đăng ký của HSYB-LTD tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSYB-LTD trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSYB-LTD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đang trong quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu và xem xét liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất biến đổi trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty nhận chuyển nhượng hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng hữu hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không được trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	7 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	14 - 55 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay, bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại), trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê tài sản

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Tiền mặt	20.859.586.987	11.585.393.615
Tiền gửi ngân hàng	150.655.752.360	385.789.440.532
Tiền đang chuyển	221.434.000	50.000.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	143.521.875	143.521.875
TỔNG CỘNG	<u>171.880.295.222</u>	<u>447.518.356.022</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có thời gian đáo hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 5%/năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	3.121.616.617.207	1.517.220.453.750
Các bên khác	926.058.684.303	469.438.553.660
TỔNG CỘNG	<u>4.047.675.301.510</u>	<u>1.986.659.007.410</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(4.063.602.565)</u>	<u>(4.063.602.565)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>4.043.611.698.945</u>	<u>1.982.595.404.845</u>

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	5.000.000.000	6.795.198.682
Các bên khác	85.728.335.432	67.489.103.919
TỔNG CỘNG	<u>90.728.335.432</u>	<u>74.284.302.601</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Ngắn hạn	216.804.182.665	678.251.101.185
Tạm ứng để mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Đặt cọc	81.819.178.380	53.187.465.900
Tạm ứng cho nhân viên	35.685.158.180	19.858.438.997
Lợi nhuận được chia từ công ty con	-	509.778.179.025
Khác	9.116.619.105	5.243.790.263
Dài hạn	2.012.549.901	2.012.549.901
Ký quỹ	2.012.549.901	2.012.549.901
TỔNG CỘNG	218.816.732.566	680.263.651.086
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(740.000.000)	(740.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	218.076.732.566	679.523.651.086
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	93.845.126.128	600.946.505.775
<i>Các bên khác</i>	124.231.606.438	78.577.145.311

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Nguyên vật liệu	2.648.730.189.510	305.548.805.026
Thành phẩm	1.054.884.831.854	992.881.622.867
Hàng hóa	615.284.799.904	275.747.646.476
Công cụ, dụng cụ	235.433.147.197	183.876.072.415
Hàng mua đang đi đường	191.224.075.969	1.424.402.924.775
TỔNG CỘNG	4.745.557.044.434	3.182.457.071.559
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.129.083.845)	(12.973.015.213)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.727.427.960.589	3.169.484.056.346

Như được trình bày tại các Thuyết minh số 19, Công ty đã dùng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ vào 31 tháng 3 năm 2017 là 3.345.490.119.643 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31 tháng 3 năm 2017	VND 30 tháng 9 năm 2016
Ngắn hạn	110.684.165.840	63.632.969.870
Chi phí quảng cáo	33.072.294.375	23.835.246.313
Chi phí thuê nhà xưởng	19.024.688.575	11.971.103.911
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.631.443.434	12.457.928.551
Chi phí sửa chữa	3.822.492.933	1.124.882.823
Chi phí tư vấn	2.998.767.433	1.615.463.792
Chi phí bảo hiểm	1.825.990.461	1.082.517.262
Khác	37.308.488.629	11.545.827.218
Dài hạn	169.062.862.863	131.621.472.215
Chi phí thuê mặt bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị	87.615.363.188	65.147.659.827
Chi phí công cụ, dụng cụ	63.969.440.950	50.315.244.895
Chi phí sửa chữa	11.629.048.405	11.079.041.450
Khác	5.849.010.320	5.079.526.043
TỔNG CỘNG	<u>279.747.028.703</u>	<u>195.254.442.085</u>

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

Số dư phải thu về cho vay dài hạn thể hiện số tiền cho Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An mượn, nhằm mục đích chi trả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Đông Hội, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Khoản cho mượn này là tín chấp, không chịu lãi suất và sẽ đến hạn vào ngày 25 tháng 6 năm 2018.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị vấn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	620.092.251.986	3.174.255.498.187	310.270.251.683	21.883.292.617	18.754.118.841	4.145.255.413.314
Mua mới trong kỳ	1.479.821.711	74.204.226.037	47.006.754.488	10.861.890.416	-	133.552.692.652
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.370.829.100	56.617.482.698	3.961.954.546	-	-	73.950.266.344
Thanh lý, nhượng bán	(600.000.000)	(44.051.478.770)	(1.064.066.001)	-	-	(45.715.544.771)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	634.342.902.797	3.261.025.728.152	360.174.894.716	32.745.183.033	18.754.118.841	4.307.042.827.539
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	1.876.106.118	264.005.343.932	18.439.961.976	1.231.953.898	113.339.238	285.666.705.162
Giá trị khấu hao lũy kế						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	(218.297.241.782)	(1.385.067.803.192)	(81.715.948.876)	(6.416.338.968)	(13.488.712.173)	(1.704.986.044.991)
Khấu hao trong kỳ	(19.433.412.783)	(148.663.465.449)	(18.997.265.528)	(1.924.805.987)	(1.392.169.674)	(190.411.119.421)
Thanh lý, nhượng bán	311.083.333	28.542.065.359	1.064.066.001	-	-	29.917.214.693
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	(237.419.571.232)	(1.505.189.203.282)	(99.649.148.403)	(8.341.144.955)	(14.880.881.847)	(1.865.479.949.719)
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	401.795.010.204	1.789.187.694.995	228.554.302.807	15.466.953.649	5.265.406.668	2.440.269.368.323
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	396.923.331.565	1.755.836.524.870	260.525.746.313	24.404.038.078	3.873.236.994	2.441.562.877.820

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã dùng nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 lần lượt là 123.910.829.846 VND, 1.368.851.387.196 VND và 133.431.365.368 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND		
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016 và ngày 31 tháng 3 năm 2017	114.919.308.334	20.332.727.270	135.252.035.604
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	(45.699.813.686)	(4.105.983.261)	(49.805.796.947)
Khấu hao trong kỳ	(6.040.059.378)	(1.018.557.677)	(7.058.617.055)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	(51.739.873.064)	(5.124.540.938)	(56.864.414.002)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	69.219.494.648	16.226.744.009	85.446.238.657
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	63.179.435.270	15.208.186.332	78.387.621.602

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	286.888.786.265	1.344.757.711	288.233.543.976
Thanh lý	(3.456.330.000)	-	(3.456.330.000)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	283.432.456.265	1.344.757.711	284.777.213.976
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	456.396.144	1.344.757.711	1.801.153.855
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	(19.269.405.038)	(1.344.757.711)	(20.614.162.749)
Hao mòn trong kỳ	(1.309.786.356)	-	(1.309.786.356)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	(20.579.191.394)	(1.344.757.711)	(21.923.949.105)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	267.619.381.227	-	267.619.381.227
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	262.853.264.871	-	262.853.264.871

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 là 211.119.565.414 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Mua sắm tài sản cố định	111.855.743.125	42.037.817.373
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.310.627.743	3.031.321.051
Chi phí khác	352.939.770	553.554.956
TỔNG CỘNG	<u>114.519.310.638</u>	<u>45.622.693.380</u>

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Đầu tư vào các công ty con (<i>Thuyết minh số 14.1</i>)	1.386.576.000.000	1.025.576.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 14.2</i>)	56.002.178.134	52.852.178.134
Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (*)	46.600.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>1.489.178.178.134</u>	<u>1.078.428.178.134</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(31.441.441.208)</u>	<u>(26.949.806.750)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.457.736.736.926</u>	<u>1.051.478.371.384</u>

(*) Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam có thời hạn mười (10) năm và hưởng lãi suất thả nổi +1%/ năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Ngày 31 tháng 3 năm 2017		Ngày 30 tháng 9 năm 2016		Địa điểm	Ngành, nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	100	280.000.000.000	100	280.000.000.000	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	100	330.000.000.000	100	300.000.000.000	Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	100	150.000.000.000	100	150.000.000.000	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	100	55.000.000.000	100	55.000.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	-	-	100	30.000.000.000	Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	100	16.276.000.000	100	16.276.000.000	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	100	200.000.000.000	100	136.000.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	100	200.000.000.000	100	50.000.000.000	Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty Cổ phần Hoa Sen Vân Hội	70	2.800.000.000	70	2.800.000.000	Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	70	84.000.000.000	70	5.500.000.000	Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu Trung tâm Thương mại

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau (tiếp theo):

Công ty con	Ngày 31 tháng 3 năm 2017		Ngày 30 tháng 9 năm 2016		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ.	100	50.000.000.000	-	-	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận.	100	12.500.000.000	-	-	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất sắt, thép và gang
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận.	100	3.000.000.000	-	-	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	100	1.000.000.000	-	-	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Đầu tư cảng sông, cảng biển
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái.	100	2.000.000.000	-	-	Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
TỔNG CỘNG		1.386.576.000.000		1.025.576.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Công ty	31 tháng 3 năm 2017		30 tháng 9 năm 2016		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept	45	51.952.178.134	45	51.952.178.134	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển
Công ty Cổ phần Hoa Sen Hội Văn	45	450.000.000	45	450.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	45	3.600.000.000	45	450.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(31.441.441.208)		(26.949.806.750)		
GIÁ TRỊ THUẬN		24.560.736.926		25.902.371.384		

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	89.386.780.879	215.023.244.843
Các bên khác	572.865.483.124	1.286.862.909.994
<i>Trong đó:</i>		
Severstal Export GmbH	90.045.228.045	-
Ep Steel Trading Co., Ltd.	-	489.859.708.622
Baosteel Singapore Pte Ltd.	-	256.372.215.014
Khác	482.820.255.079	540.630.986.358
TỔNG CỘNG	662.252.264.003	1.501.886.154.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	80.125.138.800	8.394.282.049
Các bên khác	<u>81.637.046.653</u>	<u>121.845.912.372</u>
TỔNG CỘNG	<u>161.762.185.453</u>	<u>130.240.194.421</u>

16. THUẾ

	VND			
	30 tháng 9 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31 tháng 3 năm 2017
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	85.377.201.933	126.361.580.574	(141.421.965.232)	70.316.817.275
Thuế GTGT	74.546.062.946	846.418.259.132	(842.631.154.596)	78.333.167.482
Thuế thu nhập cá nhân	2.574.386.936	25.518.104.163	(20.091.890.303)	8.000.600.796
Các loại thuế khác	<u>1.913.988.334</u>	<u>68.677.815.164</u>	<u>(61.595.081.634)</u>	<u>8.996.721.864</u>
TỔNG CỘNG	<u>164.411.640.149</u>	<u>1.066.975.759.033</u>	<u>(1.065.740.091.765)</u>	<u>165.647.307.417</u>
Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	<u>351.329.308.046</u>	<u>618.321.980.427</u>	<u>-</u>	<u>969.651.288.473</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Thưởng và lương tháng 13	18.376.735.000	133.842.548.580
Chi phí điện	12.444.707.414	9.619.132.214
Chi phí lãi vay	9.549.334.041	2.710.941.965
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.322.145.980	7.125.696.789
Khác	<u>165.000.000</u>	<u>34.590.192.994</u>
TỔNG CỘNG	<u>45.857.922.435</u>	<u>187.888.512.542</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Tiền nhận trước từ nhân viên cho việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	34.371.710.000	-
Nhận đặt cọc dự thầu	6.943.790.000	26.301.326.100
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	5.195.131.600	297.013.000
Phải trả cổ tức	5.066.063.550	4.421.620.150
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	3.099.848.000	-
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.440.655.600	1.009.084.000
Các khoản phải trả khác	7.531.066.942	2.398.526.300
TỔNG CỘNG	<u>63.648.265.692</u>	<u>34.427.569.550</u>

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.914.153.574.219	4.102.697.779.164
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	8.673.164.937.126	3.829.686.778.983
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	230.779.836.020	255.864.471.340
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	10.208.801.073	17.146.528.841
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	272.096.334.037	385.490.114.579
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	264.238.224.928	374.051.561.272
Nợ dài hạn thuê tài chính (Thuyết minh số 19.3)	7.858.109.109	11.438.553.307
TỔNG CỘNG	<u>9.186.249.908.256</u>	<u>4.488.187.893.743</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính trong kỳ như sau:

	VND
	Giá trị
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	4.488.187.893.743
Tiền thu từ đi vay	12.510.545.296.194
Tiền chi trả nợ gốc vay	(7.818.504.302.240)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.021.020.559
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>9.186.249.908.256</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	31 tháng 3 năm 2017 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương				
Vay VND	1.508.029.548.473	Từ ngày 22 tháng 4 năm 2017 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017	Từ 4,7 đến 5,3	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Vay USD	225.040.991.082	Từ ngày 15 tháng 5 năm 2017 đến ngày 20 tháng 7 năm 2017	Từ 1,8 đến 2,4	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương				
Vay VND	3.233.424.410.632	Từ ngày 21 tháng 5 năm 2017 đến ngày 31 tháng 8 năm 2017	Từ 4,5 đến 5	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Vay USD	237.606.097.032	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2017 đến ngày 24 tháng 7 năm 2017	2	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương				
Vay VND	248.696.037.484	Từ ngày 9 tháng 5 năm 2017 đến ngày 18 tháng 5 năm 2017	Từ 5,0 đến 5,2	Quyền sử dụng đất và hàng tồn kho
Vay USD	50.095.801.812	Ngày 9 tháng 8 năm 2017	2,4	Quyền sử dụng đất
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Sở Giao Dịch 2				
Vay VND	113.250.390.970	Từ ngày 27 tháng 6 năm 2017 đến ngày 20 tháng 7 năm 2017	5,5	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận				
Vay VND	82.314.069.927	Từ ngày 14 tháng 5 năm 2017 đến ngày 20 tháng 5 năm 2017	6	Hàng tồn kho

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	31 tháng 3 năm 2017 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VND	55.603.069.703	Ngày 14 tháng 6 năm 2017	5,2	Hàng tồn kho và máy móc, thiết bị
Vay USD	100.139.773.492	Ngày 5 tháng 6 năm 2017	2	Hàng tồn kho và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)				
Vay VND	365.805.087.709	Từ ngày 15 tháng 4 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2017	Từ 4,95 đến 5,4	Quyền sử dụng đất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VND	877.614.137.531	Từ ngày 5 tháng 5 năm 2017 đến ngày 20 tháng 9 năm 2017	Từ 4,7 đến 5,3	Tin chấp
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn				
Vay VND	110.690.000.000	Từ ngày 11 tháng 4 năm 2017 đến ngày 29 tháng 6 năm 2017	Từ 4,5 đến 5,0	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng				
Vay USD	39.674.284.863	Ngày 12 tháng 6 năm 2017	2,3	Hàng tồn kho
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)				
Vay VND	40.508.411.214	Ngày 28 tháng 4 năm 2017	4,6	Hàng tồn kho; quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Vay USD	506.658.181.547	Từ ngày 18 tháng 5 năm 2017 đến ngày 19 tháng 7 năm 2017	Từ 1,75 đến 1,9	Hàng tồn kho; quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	31 tháng 3 năm 2017 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng UOB Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay USD	89.043.057.300	Ngày 25 tháng 5 năm 2017	1,75	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình				
Vay USD	184.938.606.416	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2017 đến ngày 21 tháng 8 năm 2017	Từ 2,0 đến 2,4	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam				
Vay USD	306.769.154.743	Từ ngày 16 tháng 5 năm 2017 đến ngày 10 tháng 7 năm 2017	Từ 1,85 đến 1,95	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay USD	297.263.825.196	Từ ngày 21 tháng 5 năm 2017 đến ngày 24 tháng 6 năm 2017	1,8	Quyền sử dụng đất, hàng tồn kho
TỔNG CỘNG	<u>8.673.164.937.126</u>			

Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn này cho mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	31 tháng 3 năm 2017 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương				
Vay VND	24.497.913.400	Từ ngày 15 tháng 8 năm 2019 đến ngày 7 tháng 2 năm 2020	Từ 8 đến 9	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Bản Việt				
Vay VND	42.684.410.000	Từ ngày 4 tháng 2 năm 2018 đến ngày 26 tháng 11 năm 2019	8	Phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận				
Vay VND	18.947.584.000	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2020 đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	8	Phương tiện vận tải
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương				
Vay VND	348.924.771.861	Ngày 16 tháng 7 năm 2019	8,3	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Bình Dương				
Vay USD	21.899.301.702	Ngày 20 tháng 6 năm 2018	1,7	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương				
Vay VND	22.784.079.985	Ngày 7 tháng 1 năm 2019	8,0	Phương tiện vận tải
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương				
Vay VND	15.280.000.000	Ngày 25 tháng 9 năm 2017	8,0	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
TỔNG CỘNG	495.018.060.948			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	230.779.836.020			
Vay dài hạn	264.238.224.928			

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.3 Nợ thuế tài chính

Chi tiết các khoản nợ thuế tài chính như sau:

Công ty hiện đang thuế máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	31 tháng 3 năm 2017		30 tháng 9 năm 2016		
	Tổng các khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc
Nợ thuế tài chính ngắn hạn					
Dưới 1 năm	11.190.033.413	981.232.340	10.208.801.073	1.571.875.788	17.146.528.841
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Từ 1-5 năm	8.255.065.224	396.956.115	7.858.109.109	791.239.411	11.438.553.307
TỔNG CỘNG	19.445.098.637	1.378.188.455	18.066.910.182	2.363.115.199	28.585.082.148

VND

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phong tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016:								
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 (trình bày trước đầy)	1.007.907.900.000	487.290.470.363	(52.113.695.510)	-	8.525.313.060	6.605.155.369	1.531.127.724.105	2.989.342.867.387
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 (phần loại lại) (*)	1.007.907.900.000	487.290.470.363	(52.113.695.510)	8.525.313.060	-	6.605.155.369	1.531.127.724.105	2.989.342.867.387
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	426.047.512.905	426.047.512.905
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	302.362.770.000	-	(508.729)	-	-	-	(302.362.770.000)	(508.729)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	64.281.463.158	52.114.204.239	-	-	-	-	116.395.667.397
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(26.114.981.672)	(26.114.981.672)
Trích lập quỹ khác	-	-	-	-	-	29.379.354.381	(29.379.354.381)	-
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	(8.525.313.060)	-	-	8.525.313.060	-
Thường vượt kế hoạch	-	-	-	-	-	-	(21.902.000.000)	(21.902.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(11.254.269.393)	-	(11.254.269.393)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	1.310.270.670.000	551.571.933.521	-	-	-	24.730.240.357	1.585.941.444.017	3.472.514.287.895

(*) Phần loại lại theo Thông tư số 200/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
								VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017:								
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	1.965.398.290.000	551.571.933.521	-	-	-	6.784.575.670	1.753.131.906.267	4.276.886.705.458
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	587.771.808.383	587.771.808.383
Trả cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	(196.539.829.000)	(196.539.829.000)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(60.167.737.724)	(60.167.737.724)
Trích lập quỹ khác	-	-	-	-	-	67.688.704.939	(67.688.704.939)	-
Thường vượt kế hoạch	-	-	-	-	-	-	(51.300.000.000)	(51.300.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(26.571.644.057)	-	(26.571.644.057)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	1.965.398.290.000	551.571.933.521	-	-	-	47.901.636.552	1.965.207.442.987	4.530.079.303.060

(*) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2017 ngày 6 tháng 1 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ/HĐQT/2017 ngày 7 tháng 2 năm 2017 đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	1.965.398.290.000	1.007.907.900.000
Tăng trong kỳ	-	302.362.770.000
Số cuối kỳ	<u>1.965.398.290.000</u>	<u>1.310.270.670.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	196.539.829.000	-
Cổ tức đã trả bằng tiền	195.895.385.600	121.824.000

20.3 Vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	196.539.829	196.539.829
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	196.539.829	196.539.829

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
Tổng doanh thu	22.029.294.923.416	12.939.626.459.759
<i>Trong đó:</i>		
Thành phẩm	8.966.902.442.739	7.266.500.217.044
Hàng hóa	12.942.848.868.880	5.569.247.376.207
Khác	119.543.611.797	103.878.866.508
Các khoản giảm trừ doanh thu	(81.507.342.295)	(49.647.582.051)
<i>Trong đó:</i>		
Chiết khấu thương mại	(76.204.794.414)	(44.113.113.005)
Hàng bán bị trả lại	(4.836.405.320)	(2.797.667.033)
Giảm giá hàng bán	(466.142.561)	(2.736.802.013)
DOANH THU THUẦN	21.947.787.581.121	12.889.978.877.708
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên khác	9.794.182.482.384	6.051.342.375.435
Doanh thu với các bên liên quan	12.153.605.098.737	6.838.636.502.273

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	29.748.875.096	20.445.216.868
Thu nhập từ đầu tư tài chính	884.469.964	4.997.054.930
Thu nhập từ lãi tiền gửi	230.380.057	339.625.569
TỔNG CỘNG	30.863.725.117	25.781.897.367

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
Thành phẩm	7.773.388.291.484	6.014.922.886.080
Hàng hóa	12.510.751.612.727	5.491.960.314.343
TỔNG CỘNG	20.284.139.904.211	11.506.883.200.423

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	136.838.829.918	91.997.362.776
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	66.078.128.239	15.288.867.276
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.463.524.412	3.418.637.062
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4.491.634.458	4.491.634.459
TỔNG CỘNG	<u>215.872.117.027</u>	<u>115.196.501.573</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
Chi phí bán hàng	522.938.269.203	402.206.394.150
Chi phí nhân viên	135.058.420.660	96.213.135.700
Chi phí khấu hao và hao mòn	31.570.900.618	17.461.991.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	227.044.616.252	202.348.098.718
Chi phí khác	129.264.331.673	86.183.168.033
Chi phí quản lý doanh nghiệp	264.492.162.551	335.377.839.810
Chi phí nhân viên	130.482.064.997	161.148.094.604
Chi phí khấu hao và hao mòn	17.185.911.905	14.857.604.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.264.150.327	15.158.100.657
Chi phí khác	105.560.035.322	144.214.040.140
TỔNG CỘNG	<u>787.430.431.754</u>	<u>737.584.233.960</u>

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
Thu nhập khác	59.065.916.454	8.042.570.526
Tiền bồi thường	36.059.780.905	3.531.317.775
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	17.046.808.202	169.860.740
Thu nhập khác	5.959.327.347	4.341.392.011
Chi phí khác	(638.879.439)	(9.908.517.153)
Chi phí khác	(638.879.439)	(9.908.517.153)
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>58.427.037.015</u>	<u>(1.865.946.627)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
Chi phí nguyên vật liệu	7.367.347.822.763	5.437.243.304.563
Chi phí nhân công	328.529.107.384	306.878.252.589
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10, 11 và 12)	198.779.522.832	194.632.425.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	479.089.808.949	443.254.667.031
Chi phí khác	379.267.145.154	328.629.143.187
TỔNG CỘNG	<u>8.753.013.407.082</u>	<u>6.710.637.792.833</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ phải chịu sự kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	126.362.430.574	129.206.928.549
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa kỳ trước (850.000)	(850.000)	-
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	35.502.501.304	(1.023.548.962)
TỔNG CỘNG	<u>161.864.081.878</u>	<u>128.183.379.587</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	749.635.890.261	554.230.892.492
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016: thuế suất 22% quý 1 và 20% quý 2)	149.927.178.052	116.388.487.423
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)		
Chi phí không được trừ	11.937.753.826	11.743.714.713
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa kỳ trước (850.000)	(850.000)	-
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	51.177.451
Chi phí thuế TNDN	<u>161.864.081.878</u>	<u>128.183.379.587</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

27.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động so với kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	
			<i>sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
				VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	4.240.440.395	12.352.884.544	(8.112.444.149)	(986.440.187)
Chi phí phải trả	11.551.054.331	37.498.959.182	(25.947.904.851)	2.788.263.466
Các khoản dự phòng	10.874.825.524	8.945.284.906	1.929.540.618	898.326.891
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	398.253.660	68.118.757	330.134.903	(1.412.783.196)
Khác	1.844.966.406	5.546.794.231	(3.701.827.825)	(263.818.012)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	28.909.540.316	64.412.041.620		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(35.502.501.304)	1.023.548.962

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	VND
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Cho thuê tài sản Chi phí chi hộ Mua khí đốt	6.740.929.492.579 7.285.547.757.649 69.648.000.000 79.826.451.769 4.075.460.000	4.577.589.994.434 3.550.750.002.185 84.552.600.000 75.472.066.111 3.921.200.000	
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng Mua hàng Bán tài sản cố định Hàng bán bị trả lại Cho thuê tài sản	2.069.224.218.756 1.747.939.570.484 200.000.000 397.974.795 339.272.730	1.597.457.728.614 1.349.348.807.897 - 655.656.201 405.272.730	
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng Mua hàng Chi phí vận chuyển Cho thuê tài sản Hoàn trả vay ngắn hạn	14.225.521 4.611.416.810 18.186.425.568 3.402.000.000 -	- - 36.026.392.981 7.641.600.000 9.460.000.000	
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	Công ty con	Mua hàng Bán hàng	- -	165.084.564.405 15.564.015.253	
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Mua hàng Bán hàng	366.288.302.562 12.234.344.996	224.092.246.544 171.355.220.960	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Góp vốn Mua hàng Bán hàng Cho thuê tài sản Thu tiền cho vay Thu nhập từ tiền lãi Cho vay	30.000.000.000 1.804.295.595.967 1.760.509.877.822 3.324.000.000 - - -	120.000.000.000 - 19.290.111.258 - 152.000.000.000 3.170.444.445 52.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định	Công ty con	Góp vốn Bán hàng Thu nhập từ tiền lãi	64.000.000.000 17.856.223.488 167.082.436	1.000.000.000 - -
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Bán hàng Mua hàng Thu nhập từ tiền lãi Góp vốn Cho vay	4.318.604.349 3.313.073.985 717.387.528 150.000.000.000 61.437.540.665	- - - - -
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Góp vốn	78.500.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	Công ty con	Góp vốn	50.000.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Góp vốn	12.500.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Góp vốn	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Góp vốn	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Góp vốn	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	Công ty liên kết	Góp vốn	3.150.000.000	-
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng Mua hàng Chiết khấu thương mại Thu từ thanh lý tài sản Chi phí du lịch Cho thuê tài sản Thuế mặt bằng	957.011.460.274 1.164.342.628.636 30.367.059.146 28.338.441.005 14.245.901.816 957.468.178 223.636.362	615.842.800.646 199.714.631.001 11.692.382.124 330.000.000 8.165.942.500 867.136.360 223.636.362

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
				VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	2.040.223.714.025	800.534.662.997
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Bán hàng	579.580.140.998	420.889.853.059
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	480.050.792.201	232.002.562.858
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Bán hàng	67.447.537	60.250.074.913
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	Công ty con	Bán hàng	12.311.853.975	2.433.567.426
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Bán hàng	5.039.135.311	496.554.009
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng	-	27.493.400
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	4.343.533.160	585.685.088
			3.121.616.617.207	1.517.220.453.750
TỔNG CỘNG				
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Trả trước	-	1.303.140.682
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Trả trước	-	5.492.058.000
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định	Công ty con	Trả trước	5.000.000.000	-
			5.000.000.000	6.795.198.682
TỔNG CỘNG				
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Cho vay	61.687.540.665	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Phải thu ngắn hạn khác				
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Cho vay	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Chi hộ Lãi vay	1.199.350 717.387.528	-
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu Liên hợp luyện cán Thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chi hộ	923.312.250	923.312.250
Công ty TNHH Một Thành viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chi hộ	10.000.000	5.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	Công ty con	Chi hộ	-	5.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Xi Măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chi hộ	10.000.000	5.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	357.177.111.985
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	79.655.811.634
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chi hộ	-	5.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chi hộ	-	5.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	-	3.423.095.400 36.787.500
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	69.522.160.006
TỔNG CỘNG			93.845.126.128	600.946.505.775

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>30 tháng 9 năm 2016</i>
<i>VND</i>				
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	Công ty con	Mua hàng	-	128.981.860.181
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Mua hàng	43.664.883.622	56.093.633.619
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng	14.000.000.000	14.500.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng	15.520.764.304	9.331.853.822
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Mua hàng	1.461.035.977	-
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Mua hàng	14.740.096.976	6.115.897.221
TỔNG CỘNG			89.386.780.879	215.023.244.843
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Trả trước	13.191.648.106	-
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Trả trước	66.933.490.694	8.394.282.049
TỔNG CỘNG			80.125.138.800	8.394.282.049
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Trả lại tiền mua đất	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Thu hộ	440.655.600	784.000
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Thu hộ	-	2.300.000
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định	Công ty con	Thu hộ	-	6.000.000
TỔNG CỘNG			1.440.655.600	1.009.084.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Chi tiết lương và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
Lương Ban Tổng Giám đốc	9.206.791.955	6.917.110.950
Thưởng Ban Tổng Giám đốc	14.580.000.000	5.968.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	990.000.000	869.000.000
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	<u>26.810.000.000</u>	<u>11.636.460.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>51.586.791.955</u>	<u>25.390.570.950</u>

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>30 tháng 9 năm 2016</i>
Dưới 1 năm	78.595.322.800	75.550.440.800
Từ 1 tới 5 năm	276.350.767.560	266.600.521.480
Trên 5 năm	<u>189.680.931.000</u>	<u>182.710.585.480</u>
TỔNG CỘNG	<u>544.627.021.360</u>	<u>524.861.547.760</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>30 tháng 9 năm 2016</i>
Dưới 1 năm	155.984.627.278	186.859.086.366
Từ 1 tới 5 năm	618.220.700.000	741.692.236.365
Trên 5 năm	<u>418.124.000.000</u>	<u>593.967.700.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.192.329.327.278</u>	<u>1.522.519.022.731</u>

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2017, Công ty có khoản cam kết trị giá 132.621.239.901 VND (Ngày 30 tháng 9 năm 2016: 200.919.905.078 VND) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

29. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết góp vốn

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty có các cam kết góp vốn vào công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Cam kết góp vốn</u>		<u>Thực góp</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>% sở hữu</u>	<u>Giá trị</u>
	<u>VND</u>		<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Hoa Sen Vân Hội	70.000.000.000	70%	2.800.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	20.000.000.000	100%	-
Công ty TNHH Một Thành viên Xi măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	30.000.000.000	100%	-
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	50.000.000.000	100%	3.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	50.000.000.000	100%	1.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	100.000.000.000	100%	12.500.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	100.000.000.000	100%	50.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	50.000.000.000	100%	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sen Hội Vân	22.500.000.000	45%	450.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	45.000.000.000	45%	3.600.000.000
TỔNG CỘNG	<u>537.500.000.000</u>		<u>75.350.000.000</u>

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Ngày 20 tháng 4 năm 2017, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ hai mươi bảy do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, chấp thuận việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 2.000.000.000.000 VND từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.


 Nguyễn Thị Thanh Tuyên
 Người lập


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng




 Trần Ngọc Chu
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 5 năm 2017